|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 102 /TB-ĐHTL | *Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2019* |

**THÔNG BÁO**

Tuyển sinh đại học chính quy năm 2019

**1. Thông tin chung**

Trường Đại học Thuỷ lợi là trường đại học công lập có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong các ngành khoa học, kỹ thuật, kinh tế và quản lý, đặc biệt trong lĩnh vực thuỷ lợi, môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; góp phần thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển bền vững đất nước.

Trường Đại học Thủy lợi là một trong những trường đại học đầu tiên đạt yêu cầu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn mới của Bộ Giáo và Đào tạo. Trường có 2 chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế (AUN-QA).

Năm 2019, Trường Đại học Thủy lợi tuyển sinh 25 ngành và nhóm ngành, trong đó có 2 ngành Chương trình tiên tiến giảng dạy bằng Tiếng Anh. Trường tuyển sinh tại 3 Cơ sở với tổng chỉ tiêu là 3700, trong đó: Tại cơ sở chính 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội tuyển 2790 chỉ tiêu, tại Cơ sở mở rộng Phố Hiến Hưng Yên tuyển 330 chỉ tiêu và tại Cơ sở 2 – Thành Phố Hồ Chí Minh tuyển 580 chỉ tiêu.

Nhà trường tuyển sinh đại học hệ chính quy theo 3 phương thức: (1) Xét tuyển thẳng; (2) Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia năm 2019; (3) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (Học bạ). Nhà trường tạo điều kiện cho thí sinh được học đúng ngành theo nguyện vọng khi đăng ký xét tuyển và cam kết đảm bảo chất lượng đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình và nhu cầu của thị trường việc làm. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức về chuyên môn, đạt chuẩn về ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm…

**2. Đối tượng xét tuyển thẳng**

Đối tượng 1: Những thí sinh thuộc các đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối tượng 2: Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố một trong các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường hoặc đạt giải nhất, nhì, ba tại kỳ thi khoa học kỹ thuật cấp Tỉnh/Thành phố và tốt nghiệp THPT năm 2019.

Đối tượng 3: Thí sinh học tại các trường chuyên và tốt nghiệp THPT năm 2019.

Đối tượng 4: Thí sinh có học lực loại giỏi 3 năm lớp 10, 11, 12 và tốt nghiệp THPT năm 2019.

Đối tượng 5: Thí sinh có học lực loại khá trở lên năm lớp 12, đạt chứng chỉ Tiếng Anh từ 4.5 IELTS hoặc tương đương trở lên và tốt nghiệp THPT năm 2019.

**3. Các ngành tuyển sinh năm 2019**

***3.1. Xét tuyển tại cơ sở Hà Nội* (Mã trường: TLA)**

**3.1.1. Phương thức xét tuyển**

- Xét tuyển thẳng (từ đối tượng 1 đến đối tượng 5 mục 2);

- Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia năm 2019.

**3.1.2. Ngành và chỉ tiêu xét tuyển**

**a) Các ngành đào tạo bằng Tiếng Anh**

| **TT** | **Mã ngành** | **Tên ngành** | **Chỉ tiêu** | **Tổ hợp xét tuyển** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | TLA201 | Chương trình tiên tiến ngành Kỹ thuật xây dựng (*Hợp tác với Đại học Arkansas, Hoa Kỳ, học bằng Tiếng Anh*)  Đào tạo các chuyên ngành:   * *Xây dựng dân dụng và công nghiệp;* * *Công trình giao thông;* * *Công trình thủy;* * *Địa kỹ thuật;* * *Quản lý xây dựng;* * *Môi trường.* | 60 | A00, A01, D07, D01 |
| 2 | TLA202 | Chương trình tiên tiến ngành Kỹ thuật tài nguyên nước (*Hợp tác với Đại học bang Colorado, Hoa Kỳ, học bằng Tiếng Anh*)  Đào tạo các chuyên ngành:   * *Kỹ thuật tài nguyên nước;* * *Cấp thoát nước;* * *Môi trường.* | 60 | A00, A01, D07, D01 |
| **Tổng** | | | ***120*** |  |

**b) Các ngành đào tạo bằng Tiếng Việt**

| **TT** | **Mã ngành** | **Tên ngành** | **Chỉ tiêu** | **Tổ hợp xét tuyển** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | TLA101 | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy | 160 | A00, A01, D07, D01 |
| 2 | TLA104 | Kỹ thuật xây dựng | 180 | A00, A01, D07, D01 |
| 3 | TLA111 | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 70 | A00, A01, D07, D01 |
| 4 | TLA113 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | 70 | A00, A01, D07, D01 |
| 5 | TLA114 | Quản lý xây dựng  Đào tạo các chuyên ngành:   * *Kinh tế xây dựng;* * *Quản lý xây dựng.* | 100 | A00, A01, D07, D01 |
| 6 | TLA102 | Kỹ thuật tài nguyên nước | 100 | A00, A01, D07, D01 |
| 7 | TLA107 | Kỹ thuật cấp thoát nước | 70 | A00, A01, D07, D01 |
| 8 | TLA110 | Kỹ thuật cơ sở hạ tầng | 70 | A00, A01, D07, D01 |
| 9 | TLA103 | Thuỷ văn học  Đào tạo các chuyên ngành:   * *Thủy văn và tài nguyên nước;* * *Quản lý và giảm nhẹ thiên tai.* | 50 | A00, A01, D07, D01 |
| 10 | TLA109 | Kỹ thuật môi trường | 70 | A00, D01, D07, B00 |
| 11 | TLA118 | Kỹ thuật hóa học | 60 | A00, B00, D07 |
| 12 | TLA119 | Công nghệ sinh học | 70 | A00, A02, B00, D08 |
| 13 | TLA106 | Nhóm ngành Công nghệ thông tin  Gồm các ngành:  + Công nghệ thông tin   * *Công nghệ thông tin;* * *Công nghệ thông tin Việt-Nhật.*   + Hệ thống thông tin;  + Kỹ thuật phần mềm. | 400 | A00, A01, D07, D01 |
| 14 | TLA115 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 50 | A00, A01, D07, D01 |
| 15 | TLA105 | Kỹ thuật cơ khí  Đào tạo các chuyên ngành:   * *Kỹ thuật cơ khí;* * *Kỹ thuật cơ khí định hướng việc làm tại Hàn Quốc.* | 120 | A00, A01, D07, D01 |
| 16 | TLA122 | Công nghệ chế tạo máy  Đào tạo các chuyên ngành   * *Công nghệ chế tạo máy;* * *Công nghệ cơ khí định hướng việc làm tại Nhật Bản.* | 100 | A00, A01, D07, D01 |
| 17 | TLA123 | Kỹ thuật Ô tô  Đào tạo các chuyên ngành:   * *Kỹ thuật ô tô;* * *Công nghệ ô tô định hướng việc làm tại Nhật Bản.* | 120 | A00, A01, D07, D01 |
| 18 | TLA120 | Kỹ thuật cơ điện tử | 120 | A00, A01, D07, D01 |
| 19 | TLA112 | Kỹ thuật điện Đào tạo các chuyên ngành:  *- Hệ thống điện; -  Điện công nghiệp và dân dụng;*  *- Năng lượng mới và tái tạo.* | 140 | A00, A01, D07, D01 |
| 20 | TLA121 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 70 | A00, A01, D07, D01 |
| 21 | TLA401 | Kinh tế  Đào tạo các chuyên ngành:   * *Kinh tế đầu tư;* * *Kinh tế quốc tế;* * *Kinh tế phát triển;* * *Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.* | 120 | A00, A01, D07, D01 |
| 22 | TLA402 | Quản trị kinh doanh  Đào tạo các chuyên ngành:   * *Quản trị kinh doanh thương mại điện tử;* * *Quản trị marketing;* * *Quản trị kinh doanh quốc tế.* | 180 | A00, A01, D07, D01 |
| 23 | TLA403 | Kế toán | 180 | A00, A01, D07, D01 |
| **Tổng** | | | ***2670*** |  |

***3.2. Xét tuyển tại cơ sở Phố Hiến* (Mã trường: TLA);** Sinh viên học năm thứ nhất và năm thứ hai tại Hưng Yên, các năm còn lại học tại Hà Nội.

**3.2.1. Phương thức xét tuyển**

- Xét tuyển thẳng (từ đối tượng 1 đến đối tượng 5 mục 2);

- Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia năm 2019;

- Xét tuyển dựa vào học bạ.

**3.2.2. Ngành và chỉ tiêu xét tuyển**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã ngành** | **Tên ngành** | **Chỉ tiêu** | **Tổ hợp xét tuyển** |
| 1 | PHA106 | Công nghệ thông tin | 70 | A00, A01, D07, D01 |
| 2 | PHA105 | Kỹ thuật cơ khí | 70 | A00, A01, D07, D01 |
| 3 | PHA123 | Kỹ thuật ô tô  Đào tạo các chuyên ngành:   * *Kỹ thuật ô tô* * *Công nghệ ô tô định hướng việc làm tại Nhật Bản* | 70 | A00, A01, D07, D01 |
| 4 | PHA402 | Quản trị kinh doanh | 60 | A00, A01, D07, D01 |
| 5 | PHA403 | Kế toán | 60 | A00, A01, D07, D01 |
| **Tổng** | | | ***330*** |  |

***3.3. Xét tuyển tại Cơ sở 2 – TP Hồ Chí Minh* (Mã trường: TLS)**

**3.3.1. Phương thức xét tuyển**

- Xét tuyển thẳng (từ đối tượng 1 đến đối tượng 5 mục 2);

- Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia năm 2019;

- Xét tuyển dựa vào học bạ.

**3.3.2. Ngành và chỉ tiêu xét tuyển**

| **TT** | **Mã ngành** | **Tên ngành** | **Chỉ tiêu** | **Tổ hợp xét tuyển** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | TLS101 | Kỹ thuật xây dựng công trình thuỷ | 70 | A00, A01, D07, D01 |
| 2 | TLS104 | Kỹ thuật xây dựng | 60 | A00, A01, D07, D01 |
| 3 | TLS111 | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 60 | A00, A01, D07, D01 |
| 4 | TLS113 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | 60 | A00, A01, D07, D01 |
| 5 | TLS102 | Kỹ thuật tài nguyên nước | 60 | A00, A01, D07, D01 |
| 6 | TLS107 | Kỹ thuật cấp thoát nước | 60 | A00, A01, D07, D01 |
| 7 | TLS106 | Công nghệ thông tin | 70 | A00, A01, D07, D01 |
| 8 | TLS402 | Quản trị kinh doanh | 70 | A00, A01, D07, D01 |
| 9 | TLS403 | Kế toán | 70 | A00, A01, D07, D01 |
| **Tổng** | | | **580** |  |

**Ghi chú mã tổ hợp xét tuyển:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã tổ hợp** | **Danh sách môn** | **Mã tổ hợp** | **Danh sách môn** |
| A00 | Toán, Vật lý, Hóa học | D01 | Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh |
| A01 | Toán, Vật lý, Tiếng Anh | D07 | Toán, Hóa học, Tiếng Anh |
| A02 | Toán, Vật lý, Sinh học | D08 | Toán, Sinh học, Tiếng Anh |
| B00 | Toán, Hóa học, Sinh học |  |  |

***4. Hồ sơ, thời gian nộp hồ sơ và nguyên tắc xét tuyển***

***4.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT***

Đối với Đối tượng 1- mục 2: Hồ sơ, thời gian nhận hồ sơ xét tuyển, công bố kết quả Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

***4.2. Xét tuyển thẳng dựa vào kết quả học tập bậc THPT (từ đối tượng 2 đến đối tượng 5 - mục 2)***

### 4.2.1. Nguyên tắc xét tuyển

Tuyển thẳng vào tất cả các ngành theo thứ tự ưu tiên từ **1** đến **4** dưới đây, điểm xét tuyển lấy từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu cho xét tuyển thẳng. Điểm xét tuyển được xác định theo công thức sau:

**ĐXT** = (ĐTB lớp 10 + ĐTB lớp 11 + ĐTB lớp 12 + ĐƯT)

(Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình; ĐƯT: Điểm ưu tiên).

- Ưu tiên 1: Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố một trong các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường hoặc đạt giải nhất, nhì, ba tại kỳ thi khoa học kỹ thuật cấp Tỉnh/Thành phố và tốt nghiệp THPT năm 2019.

- Ưu tiên 2: Thí sinh học tại các trường chuyên và tốt nghiệp THPT năm 2019.

- Ưu tiên 3: Thí sinh có học lực loại giỏi 3 năm lớp 10, 11, 12 và tốt nghiệp THPT năm 2019.

- Ưu tiên 4: Thí sinh có học lực loại khá trở lên năm lớp 12, đạt chứng chỉ Tiếng Anh từ 4.5 IELTS hoặc tương đương trở lên và tốt nghiệp THPT năm 2019.

### 4.2.2. Hồ sơ xét tuyển thẳng và thời gian nộp:

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Thủy lợi.

- Bản sao công chứng học bạ THPT hoặc giấy chứng nhận điểm trung bình 3 năm học THPT (nếu tốt nghiệp năm 2019).

- Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ tên, địa chỉ liên lạc, điện thoại.

- Thời gian nộp hồ sơ: Nộp tại trường Đại học Thủy lợi (hoặc chuyển phát nhanh qua bưu điện) từ ngày 20/05/2019 đến 12/07/2019.

### 4.2.3. Thời gian thông báo kết quả xét tuyển thẳng:

- Nhà trường công bố kết quả trúng tuyển xét tuyển thẳng trước **17h ngày 18/7/2019**. Thí sinh nộp 1 bộ hồ sơ có thể đăng ký xét tuyển thẳng nhiều ngành của Trường Đại học Thủy lợi. Nếu thí sinh đã trúng tuyển theo nguyện vọng xếp trên thì sẽ không được xét các nguyện vọng tiếp theo.

- Xác nhận nhập học đối với thí sinh trúng tuyển theo diện xét tuyển thẳng từ ngày 19/7/2019 đến ngày 23/7/2019

***4.3. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2019***

### 4.3.1. Đối tượng

- Những thí sinh tham gia thi và có kết quả thi THPT Quốc gia năm 2019 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Thủy lợi (Nhà trường sẽ thông báo khi có kết quả thi THPT quốc gia năm 2019).

### 4.3.2. Thời gian, hình thức nhận hồ sơ xét tuyển *(Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

### 4.3.3. Các quy định về điểm xét tuyển

- Điểm chuẩn trúng tuyển theo các tổ hợp môn xét tuyển là như nhau. **Do đó thí sinh đăng ký hoặc điều chỉnh nguyện vọng theo tổ hợp môn xét tuyển có kết quả thi cao nhất**.

- Điểm trúng tuyển theo ngành, theo cơ sở đào tạo.

- Thí sinh có điểm tổng các môn thi thuộc kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia năm 2019 của tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển đảm bảo yêu cầu của Nhà trường, được xét từ cao xuống thấp đến đủ chỉ tiêu theo quy định. Trường hợp số thí sinh bằng điểm nhau nhiều hơn chỉ tiêu thì xét ưu tiên điểm môn Toán.

- Xét tuyển theo các nguyện vọng của thí sinh đã đăng ký (xếp theo thứ tự ưu tiên trên Phiếu ĐKXT): Nếu thí sinh đã trúng tuyển theo nguyện vọng xếp trên thì sẽ không được xét các nguyện vọng tiếp theo. Điểm chuẩn trúng tuyển vào một ngành chỉ căn cứ trên kết quả điểm xét của thí sinh và chỉ tiêu đã được ấn định, không phân biệt nguyện vọng ghi ở thứ tự nào giữa các thí sinh đã đăng ký vào ngành đó.

***4. 4. Xét tuyển học bạ đối với Cơ sở 2 – TP Hồ Chí Minh và Cơ sở Phố Hiến, Hưng Yên***

### 4.4.1. Đối tượng

Thí sinh có kết quả học tập trung bình 3 năm THPT đạt **5,5** trở lên.

### 4.4.2. Nguyên tắc xét tuyển

Điểm xét tuyển được xác định theo công thức sau:

**ĐXT** = (ĐTB lớp 10 + ĐTB lớp 11 + ĐTB lớp 12 + ĐƯT)

(Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình; ĐƯT: Điểm ưu tiên).

Xét điểm từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

**Chỉ tiêu xét tuyển theo học bạ của mỗi ngành: Tối đa bằng 50% tổng chỉ tiêu của ngành tương ứng.**

### 4.4.3. Hồ sơ xét tuyển và thời gian nộp:

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Thủy lợi.

- Bản sao công chứng học bạ THPT hoặc giấy chứng nhận điểm trung bình 3 năm học THPT (nếu tốt nghiệp năm 2019).

- Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ tên, địa chỉ liên lạc, điện thoại.

- **Thời gian nộp hồ sơ:** Nộp tại Trường Đại học Thủy lợi (hoặc chuyển phát nhanh qua bưu điện) từ ngày 20/05/2019 đến 12/07/2019.

### 4.4.4. Thời gian thông báo kết quả xét tuyển học bạ:

- Nhà trường công bố kết quả trúng tuyển xét tuyển trước **17h ngày 18/7/2019**. Thí sinh nộp 1 bộ hồ sơ có thể đăng ký xét tuyển nhiều ngành của Trường Đại học Thủy lợi. Nếu thí sinh đã trúng tuyển theo nguyện vọng xếp trên thì sẽ không được xét các nguyện vọng tiếp theo.

- Xác nhận nhập học đối với thí sinh trúng tuyển theo diện xét học bạ từ ngày 19/7/2019 đến ngày 23/7/2019.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  -  ĐƯ, BGH, HĐT (để b/c);  -  Các P, K, TT, ĐTN, HSV;  - Cơ sở 2;  -  Website trường;  -  Lưu: VT, ĐH&SĐH. | **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  **( Đã ký)**  **GS.TS. Nguyễn Trung Việt** |